

**HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION**

71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City

T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

**Số: 8F GGT-ĐHHL**

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận năm 2018 so với năm 2017 trên báo cáo kiểm toán, chênh lệch lợi nhuận trên 5% trước và sau kiểm toán, chuyển từ lãi sang lỗ trên báo cáo hợp nhất

**No.: GGT-ĐHHL**

Regarding explaining the reason for profit difference between 2018 vs. 2017 in audited report, 5% difference of profit before and after auditing, transfer from profit to loss in consolidated report

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Hai Phong Mar 28<sup>th</sup>, 2019

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**Respectfully:** STATE SECURITIES COMMISSION  
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận năm 2018 so với năm 2017 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between 2018 vs. 2017 from the Statement on profit and loss of Company and consolidated as follows:

Báo cáo Công ty mẹ/ Parent company Statement:

Chỉ tiêu	Item	Năm 2018	Năm 2017	CHÊNH LỆCH	
		2018	2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	377,954,506,199	304,541,855,851	73,412,650,348	24%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	2,691,613,462	549,959,707	2,141,653,755	389%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	375,262,892,737	303,991,896,144	71,270,996,593	23%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	286,968,229,452	231,820,842,588	55,147,386,864	24%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	88,294,663,285	72,171,053,556	16,123,609,729	22%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	5,144,641,375	883,957,089	4,260,684,286	482%



Chỉ tiêu	Item	Năm 2018	Năm 2017	CHÊNH LỆCH	
		2018	2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	98,499,287	(3,023,916,000)	3,122,415,287	103%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	219,152,185	-	219,152,185	
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	74,054,919,560	51,489,657,672	22,565,261,888	44%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	27,668,975,351	23,895,523,845	3,773,451,506	16%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)</b>	<b>Operating profit</b>	<b>(8,383,089,538)</b>	<b>693,745,128</b>	<b>(9,076,834,666)</b>	<b>-1308%</b>
11. Thu nhập khác	Other income	1,333,886,715	440,158,696	893,728,019	203%
12. Chi phí khác	Other expenses	257,238,758	712,679,967	(455,441,209)	-64%
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>Other profit</b>	<b>1,076,647,957</b>	<b>(272,521,271)</b>	<b>1,349,169,228</b>	<b>495%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>Net profit before tax</b>	<b>(7,306,441,581)</b>	<b>421,223,857</b>	<b>(7,727,665,438)</b>	<b>-1835%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	20,000,000	533,482,222	(513,482,222)	-96%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-	-	0%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>Net profit after tax</b>	<b>(7,326,441,581)</b>	<b>(112,258,365)</b>	<b>(7,214,183,216)</b>	<b>-6426%</b>

Báo cáo hợp nhất/ Consolidated statement:

Chỉ tiêu	Item	Năm 2018	Năm 2017	CHÊNH LỆCH	
		2018	2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	479,342,952,512	417,409,186,310	61,933,766,202	15%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	2,691,613,462	1,630,157,816	1,061,455,646	65%
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>Net revenue from sale of goods and rendering of services</b>	<b>476,651,339,050</b>	<b>415,779,028,494</b>	<b>60,872,310,556</b>	<b>15%</b>
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	371,018,654,033	328,150,205,648	42,868,448,385	13%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>Gross profit from sale of goods and rendering of services</b>	<b>105,632,685,017</b>	<b>87,628,822,846</b>	<b>18,003,862,171</b>	<b>21%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	5,909,004,558	1,685,731,849	4,223,272,709	251%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1,486,865,278	-1,608,913,562	3,095,778,840	192%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1,061,715,026	864,102,564	197,612,462	
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	77,419,099,364	55,105,111,643	22,313,987,721	40%

4752  
TY  
HÂN  
HÀ LO  
CANFO  
EN-TP



Chỉ tiêu	Item	Năm 2018	Năm 2017	CHÊNH LỆCH	
		2018	2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	34,857,769,913	29,059,827,293	5,797,942,620	20%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)</b>	<b>Operating profit</b>	<b>-2,222,044,980</b>	<b>6,758,529,321</b>	<b>(8,980,574,301)</b>	<b>-133%</b>
11. Thu nhập khác	Other income	1,934,152,684	898,769,186	1,035,383,498	115%
12. Chi phí khác	Other expenses	555,590,237	713,113,438	(157,523,201)	-22%
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>Other profit</b>	<b>1,378,562,447</b>	<b>185,655,748</b>	<b>1,192,906,699</b>	<b>643%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>Net profit before tax</b>	<b>-843,482,533</b>	<b>6,944,185,069</b>	<b>(7,787,667,602)</b>	<b>-112%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	1,577,976,572	1,403,340,570	174,636,002	12%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense		430,675,609	(430,675,609)	0%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>Net profit after tax</b>	<b>-2,421,459,105</b>	<b>5,110,168,890</b>	<b>(7,531,627,995)</b>	<b>-147%</b>

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2018 là lỗ 7.3 tỷ, tức là giảm 7.2 tỷ, tương ứng giảm 6426% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là trong năm 2018 doanh thu bán hàng tăng 23%, doanh thu hoạt động tài chính tăng 482% so với năm 2017. Tuy nhiên do sự tăng cao chi phí, cụ thể giá vốn tăng 24%, chi phí bán hàng tăng 44% và chi phí quản lý tăng 16% nên lợi nhuận bị giảm so với năm 2017.

*The net profit of parent company in 2018 is loss 7.3 bio, decrease 7.2 bio, equivalent to 6426% compared with 2017. The explanation for this is the sale increase 23%, financial income increase 482% compared 2017. However, due to the high increase in expenses, of which cost of sale increase 24%, selling and administration expense increase 44% and administration expense increase 16%, so the profit decrease compared with 2017.*

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 là lỗ 2.4 tỷ, tức là giảm 7.5 tỷ, tương ứng giảm 147% so với năm 2017, thuộc trường hợp chuyển từ lãi năm trước chuyển sang lỗ năm nay. Nguyên nhân chủ yếu là do sự tăng cao của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

*The net profit of consolidated report of 2018 is loss 2.4 bio, decrease 7.5 bio, equivalent to 147% compared with 2017, belongs to the case transfer from profit in previous year to loss in this year. The explanation for this is due to the high increase in selling and administration expense.*

Ngoài ra, so với báo cáo đã nộp Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, lợi nhuận trước thuế và sau thuế trên báo cáo công ty chênh lệch hơn 5% so với báo cáo kiểm toán năm 2018. Nguyên nhân là do theo yêu cầu kiểm toán, công ty cần phải trích lập thêm một số khoản chi phí.

*In addition, compared with the submitted report of our company to State Securities Commission and Hanoi Stock Exchange, the profit before tax and after tax have more than 5% difference with audited report. The main reason is due to requirement of auditor, our company need to accrue some more expenses.*

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

*Our Company would like to explain to your Agency.*

